

Thanh hóa, ngày 4 tháng 12 năm 2025.

PHƯƠNG ÁN SỬA CHỮA

Hạng mục SCL: Sửa chữa kiến trúc các TBA: Bơm Trường Minh, Bơm Tượng Văn, Quảng Vọng 1, Quảng Vọng 2, Bơm Quảng Phúc, Bơm Trường Trung, Tân Khang 1, Hoàng Giang 1, Quảng Phúc 1, Quảng Phúc 2, Minh Nghĩa 2, Trường Sơn 2, Yên Mỹ 1, Minh Thọ 1, Yên Lạc 1 - Đội QLĐLKV Nông Công.

1. Lý lịch:

- Tên gọi: các TBA: Bơm Trường Minh, Bơm Tượng Văn, Quảng Vọng 1, Quảng Vọng 2, Bơm Quảng Phúc, Bơm Trường Trung, Tân Khang 1, Hoàng Giang 1, Quảng Phúc 1, Quảng Phúc 2, Minh Nghĩa 2, Trường Sơn 2, Yên Mỹ 1, Minh Thọ 1, Yên Lạc 1 - Đội QLĐLKV Nông Công.

2. Tình trạng kỹ thuật hiện trạng:

2.1. Trạm biến áp Bơm Trường Minh: Có diện tích đất xây dựng 40,2m², TBA đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào: Tường rào hiện trạng đã hư hỏng, nghiêng nứt.
- Cửa cổng TBA: Hư hỏng, hư hỏng không sử dụng được
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ, đọng nước.

2.2. Trạm biến áp Bơm Tượng Văn: Có diện tích đất xây dựng 56,93m² và bề mặt diện tích 2.45m², TBA đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào: Tường rào hiện trạng đã hư hỏng, nghiêng nứt.
- Cửa cổng TBA: Hư hỏng, hư hỏng không sử dụng được
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ đọng nước.

2.3. Trạm biến áp Quảng Vọng 1: Có diện tích đất xây dựng 37m² trong đó nhà tù 6.75m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào, nhà tù lớp vữa trát bong rộp, rêu mốc.
- Cửa trạm, cửa nhà tù rỉ mục hư hỏng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ, đọng nước.

2.4. Trạm biến áp Quảng Vọng 2: Có diện tích đất xây dựng 45,5m² trong đó nhà tù 6.25m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào, nhà tù nứt nghiêng, bong rộp.
- Cửa trạm rỉ mục hư hỏng không sử dụng được, cửa nhà tù bị mất.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ, đọng nước.

2.5. Trạm biến áp Bơm Quảng Phúc: Có diện tích đất xây dựng 53,6m² trong đó nhà tù 6.75m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào nhà tù nứt nghiêng, bong rộp.
- Cửa trạm, cửa nhà tù rỉ mục hư hỏng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ, đọng nước.

2.6. Trạm biến áp Bơm Trường Trung: Có diện tích đất xây dựng 62,05m² trong đó nhà tù 6.25m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào, nhà tử nứt nghiêng, bong rộp, 1 đoạn tường rào bị đổ.
- Cửa trạm, cửa nhà tử rỉ mục hư hỏng nặng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ, đọng nước.

2.7. Trạm biến áp Tân Khang 1: Có diện tích đất xây dựng 43,55m² trong đó nhà tử 6.5m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào, nhà tử nứt nghiêng, bong rộp.
- Cửa trạm, cửa nhà tử rỉ mục hư hỏng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ, đọng nước.

2.8. Trạm biến áp Hoàng Giang 1: Có diện tích đất xây dựng 55,25m² trong đó nhà tử 6.25m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào, nhà tử nứt nghiêng, bong rộp.
- Cửa nhà tử rỉ mục hư hỏng không sử dụng được. Cửa trạm hoen rỉ.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ, đọng nước.

2.9. Trạm biến áp Quảng Phúc 1: Có diện tích đất xây dựng 30,25m² trong đó nhà tử 6.25m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào nhà tử nứt nghiêng, bong rộp.
- Cửa trạm, cửa nhà tử rỉ mục hư hỏng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ, đọng nước.

2.10. Trạm biến áp Quảng Phúc 2: Có diện tích đất xây dựng 37m² trong đó nhà tử 6.75m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào nhà tử nứt nghiêng, bong rộp.
- Cửa trạm, cửa nhà tử rỉ mục hư hỏng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, nứt vỡ, đọng nước.

2.11. Trạm biến áp Minh Nghĩa 2: Có diện tích đất xây dựng 34,1m² trong đó nhà tử 5,29 m², TBA đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào: Vữa trát tường bong rộp.
- Nhà tử: Tường, trần nhà tử lớp vữa trát bong rộp, mái đọng nước.
- Cửa cổng TBA: Hư rỉ, hư hỏng không sử dụng được.
- Cửa nhà tử: Cửa gỗ đã mục nát, không sử dụng được.

2.12. Trạm biến áp Trường Sơn 2: Có diện tích đất xây dựng 33,92m² trong đó nhà tử 5,3 m², TBA đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào: Lớp vữa trát tường rào bong tróc, ẩm mốc.
- Nhà tử 0.4: Tường, trần nhà tử lớp vữa trát bong rộp, mái đọng nước.
- Nhà tử khách hàng: Nghiêng, nứt, không sử dụng đến.
- Cửa cổng TBA, cửa nhà tử 0.4: Hư rỉ, hư hỏng không sử dụng được
- Nền trạm: sụt lún, nứt vỡ, đọng nước.

2.13. Trạm biến áp Yên Mỹ 1: Có diện tích đất xây dựng 34,57m², TBA đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào: Lớp vữa trát bị bong tróc, ẩm mốc.
- Tủ điện ngoài trời: kê thấp, ẩm.

- Cửa cổng TBA: Không có
- Nền trạm: sụt lún, nứt vỡ đọng nước.

2.14. Trạm biến áp Minh Thọ 1: Có diện tích đất xây dựng 52m² trong đó nhà tủ 5.5m², trạm biến áp đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào, nhà tủ lớp vữa trát bong rộp.
- Cửa trạm, cửa nhà tủ rỉ mục hư hỏng không sử dụng được.
- Nền trạm sụt lún, cây cỏ xâm lấn.

2.15. Trạm biến áp Yên Lạc 1: Có diện tích đất xây dựng 40,36m² trong đó nhà tủ 6,25 m², TBA đã xuống cấp, hiện trạng cụ thể như sau:

- Tường rào: Lớp vữa trát bị bong tróc, ẩm mốc.
- Nhà tủ: Tường, trần nhà tủ lớp vữa trát bong rộp, mái đọng nước.
- Cửa cổng TBA: Hư rỉ, hư hỏng không sử dụng được
- Cửa nhà tủ: Bong tróc sơn, rỉ sét.
- Nền trạm: Sụt lún, ngập úng.

3. Phương án xử lý:

Để đảm bảo an toàn sử dụng và vận hành, TBA cần được sửa chữa như sau:

3.3.1. Trạm biến áp Bơm Trường Minh:

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Bê tông nền TBA đá 1x2 M200 dày 10cm.
- Xây bao bộ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA.

3.3.2. Trạm biến áp Bơm Tượng Văn:

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Để lại 1 cổng đi. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Bê tông nền TBA đá 1x2 M200 dày 10cm.
- Xây bao bộ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA.

3.3.3. Trạm biến áp Quảng Vọng 1:

- Tường rào: Đục, trát, sơn lại toàn bộ tường rào. Thu nhỏ cửa trạm, thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tủ: Đục, trát, sơn lại tường, láng lại trần nhà tủ. Lắp mới cửa đi nhà tủ. Xây bộ tủ điện.

- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Xây bao bộ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

3.3.4. Trạm biến áp Quảng Vọng 2:

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tủ: Phá dỡ toàn bộ nhà tủ xây lại. Lắp mới cửa đi nhà tủ. Xây bộ tủ điện.

- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Tôn nền trạm 20cm (trong đó 10cm đá mặt, 10cm bê tông)
- Xây bao bộ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

3.3.5. Trạm biến áp **Bơm Quảng Phúc:**

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tủ: Phá dỡ toàn bộ nhà tủ xây lại. Lắp mới cửa đi nhà tủ. Xây bộ tủ điện
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ, bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10cm.
- Xây bao bộ máy biến áp, đổ cục kê tôn cao MBA
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

3.3.6. Trạm biến áp **Bơm Trường Trung:**

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng. Gia cố lại đoạn móng dài 7.5m.

- Nhà tủ: Phá dỡ toàn bộ nhà tủ xây lại. Thay cửa đi nhà tủ. Xây bộ tủ điện .
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Tôn nền trạm 30cm (trong đó 20cm đá mặt, 10cm bê tông)
- Xây bao bộ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

3.3.7. Trạm biến áp **Tân Khang 1:**

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tủ: Phá dỡ toàn bộ nhà tủ xây lại. Lắp mới cửa đi nhà tủ. Xây bộ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Xây bao bộ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA.

3.3.8. Trạm biến áp **Hoàng Giang 1:**

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Sơn lại cửa cổng trạm.
- Nhà tủ: Đục, trát, sơn lại tường, đục vữa lán lại mái. Lắp mới cửa đi nhà tủ. Xây bộ tủ điện.

- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Tôn nền trạm 20cm (trong đó 10cm đá mặt, 10cm bê tông)
- Trát lại bộ máy biến áp.
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tủ.

3.3.9. Trạm biến áp **Quảng Phúc 1:**

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tủ: Phá dỡ toàn bộ nhà tủ không xây lại vì tủ để ngoài trời. Xây bộ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tủ bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Xây bao bộ máy biến áp, đổ đá 1x2 đáy bộ máy biến áp. Kê tôn cao MBA

- Tôn nền TBA 80cm (70cm đá mặt + gạch từ tường rào nhà tù cũ, 10 cm bê tông)
- Bổ sung khóa cổng TBA.

3.3.10. Trạm biến áp **Quảng Phúc 2:**

- Tường rào: Phá toàn bộ tường rào xây lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tù: Phá dỡ toàn bộ nhà tù xây lại. Lắp mới cửa đi nhà tù. Xây bộ tủ điện.
- Đổ bê tông nền trạm, nhà tù bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.
- Xây bao bộ máy biến áp, đổ đá 1x2 đáy bộ máy biến áp.
- Tôn nền TBA 30cm (trong đó 20cm đá mặt, 10cm Bê tông)
- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tù.

3.3.11. Trạm biến áp **Minh Nghĩa 2:**

- Tường rào: Phá toàn bộ lớp vữa tường và trát, sơn lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tù: Phá lớp vữa tường, trát và sơn lại, lán dốc mái nhà tù để thoát nước. Thay mới cửa nhà tù.

- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tù.

3.3.12. Trạm biến áp **Trường Sơn 2:**

- Tường rào: Phá toàn bộ lớp vữa tường và trát, sơn lại. Xây thêm tường để thu hẹp cửa cổng trạm còn rộng 1,5m. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng 1.5mx1.8m.

- Nhà tù khách hàng: Phá dỡ.
- Nhà tù 0,4kV: Phá lớp vữa tường, trát và sơn lại, lán dốc mái nhà tù để thoát nước. Thay mới cửa nhà tù.

- Bê tông nền TBA đá 1x2 M200 dày 10cm.

- Xây bao bộ máy biến áp cao 10cm.

- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tù.

3.3.13. Trạm biến áp **Yên Mỹ 1:**

- Tường rào: Phá toàn bộ lớp vữa tường và trát, sơn lại. Lắp mới cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Xây bộ đỡ tủ điện cao 30cm

- Bê tông nền TBA đá 1x2 M200 dày 10cm.

- Xây bao bộ máy biến áp cao 10cm.

- Bổ sung khóa cổng TBA.

3.3.14. Trạm biến áp **Minh Thọ 1:**

- Tường rào: Đục, trát, sơn lại toàn bộ tường rào. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tù: Đục, trát, sơn lại tường nhà tù. Lắp mới cửa đi nhà tù. Xây bộ tủ điện.

- Đổ bê tông nền trạm, nhà tù bê tông đá 1x2 M200 đổ dày 10 cm.

- Xây bao bộ máy biến áp cao 10cm. Đổ bê tông kê MBA

- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tù.

3.3.15. Trạm biến áp Yên Lạc 1:

- Tường rào: Phá toàn bộ lớp vữa tường và trát, sơn lại. Thay cửa cổng trạm bằng cửa thép mạ kẽm nhúng nóng.

- Nhà tú: Phá lớp vữa tường, trát và sơn lại, lán dốc mái nhà tú để thoát nước. cửa nhà tú đánh rỉ sơn lại 1 nước lót 2 nước phủ.

- Tôn nền TBA lên 20 cm (trong đó 10cm đá mặt, 10cm bê tông đá 1x2 M200).

- Bổ sung cục kê bộ MBA.

- Xây bao bộ máy biến áp cao 10cm.

- Bổ sung khóa cổng TBA và nhà tú.

4. Khối lượng sửa chữa:

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
SỬA CHỮA TRẠM BIẾN ÁP BƠM TRƯỜNG MINH:			
SỬA CHỮA BỘ MBA:			
1	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,12
2	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	2,77
3	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,16
4	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,00
5	Lót nền sân bằng nilong	m2	35,50
6	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,55
SỬA CHỮA TƯỜNG RÀO:			
7	Tháo dỡ cửa cổng	m2	2,40
8	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	5,63
9	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	7,88
10	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	7,88
11	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	7,88
12	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	7,88
13	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	7,88
14	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,03
15	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,16
16	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,13
17	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,48
18	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	7,29
19	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	13,00
20	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	138,72
21	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m2	5,85
22	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	46,36

23	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	157,57
24	Gia công công sắt	tân	0,08
25	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	80,00
26	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,00
27	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,56
28	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤ 22 cm	m3	0,26
29	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	0,26
30	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	0,26
31	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	0,26
32	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	0,26
33	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	0,26
34	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤ 6 m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,26
35	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	5,31
36	Đổ cát vào bể cát chống cháy	m3	1,24
37	Cạo bỏ lớp vôi cũ trên bề mặt - xà dầm, trần	m2	4,23
38	Cạo bỏ lớp vôi cũ trên bề mặt - xà dầm, trần	m2	1,56
39	Cạo bỏ lớp vôi cũ trên bề mặt - tường, trụ, cột	m2	20,79
40	Cạo bỏ lớp vôi cũ trên bề mặt - tường, trụ, cột	m2	24,52
41	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	1,62
42	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt - kim loại	m2	3,24
43	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1m2	3,24
44	Lắp dựng cửa khung sắt, khung nhôm	m2	1,62
45	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	26,08
46	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	25,02
47	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,00
SỬA CHỮA TRẠM BIẾN ÁP BƠM TƯỢNG VẤN:			
SỬA CHỮA BÈ MBA:			
48	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤ 6 m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,26
49	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	5,96
50	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,36
51	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,00
52	Lót nền sân bằng nilong	m2	45,25
53	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	4,59
54	Tháo dỡ cửa công	m2	4,48
55	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤ 22 cm	m3	7,64
56	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	10,70
57	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	10,70

58	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	10,70
59	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	10,70
60	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	10,70
61	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,04
62	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,22
63	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m ²	0,18
64	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,94
65	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m3	10,23
66	Trát xà dầm, vữa XM M100, PCB40	m2	18,00
67	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	195,21
68	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,13
69	Đắp phào đơn, vữa XM M100, PCB40	m	60,36
70	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	219,34
71	Gia công công sắt	tấn	0,08
72	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	80,00
73	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,00
74	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,56
75	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 22\text{cm}$	m3	0,30
76	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	0,42
77	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	0,42
78	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	0,42
79	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	0,42
80	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	0,42
81	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,30
82	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	5,97
83	Đổ cát vào bể cát chống cháy	m3	1,62
SỬA CHỮA TRẠM BIẾN ÁP BOM QUẢNG VỌNG 1:			
SỬA CHỮA BỆ MBA:			
84	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,13
85	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	2,98
86	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,18
87	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,00
88	Lót nền sân bằng nilong	m2	28,14
89	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	2,63
90	Tháo dỡ cửa cổng	m2	3,57

91	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	0,59
92	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	150,99
93	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	3,54
94	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	3,54
95	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	3,54
96	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	3,54
97	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	3,54
98	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,75
99	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	153,00
100	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,41
101	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	3,28
102	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	159,41
103	Gia công công sắt	tán	0,08
104	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	80,00
105	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,00
106	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,56
107	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	0,18
108	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	0,25
109	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	0,25
110	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	0,25
111	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	0,25
112	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	0,25
113	Tháo dỡ cửa nhà tử	m2	2,40
114	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	4,66
115	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	6,04
116	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	23,07
117	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	26,72
118	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	1,09
119	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	1,09
120	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	1,09
121	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	1,09
122	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	1,09
123	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M75, PCB40	m2	10,23
124	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	10,70
125	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	26,72
126	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	23,07
127	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	12,80

128	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	26,72
129	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	33,77
130	Gia công cửa sắt	tấn	0,07
131	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	70,00
132	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,00
133	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,30
134	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,93
135	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,00
136	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,17
137	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,86
SỬA CHỮA TRẠM BIẾN ÁP BƠM QUẢNG VỌNG 2:			
SỬA CHỮA BỆ MBA:			
138	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,21
139	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	4,43
140	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,42
141	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,00
142	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	3,69
143	Lót nền sân bằng nilong	m2	36,83
144	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,69
145	Tháo dỡ cửa cổng	m2	2,25
146	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	7,06
147	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	9,88
148	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	9,88
149	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	9,88
150	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	9,88
151	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	9,88
152	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,03
153	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,16
154	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,13
155	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,47
156	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	8,24
157	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	13,00
158	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	162,18
159	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,41

160	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	48,08
161	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	168,59
162	Gia công công sắt	tấn	0,08
163	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	80,00
164	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,00
165	Lắp dựng cửa khung sắt	m ²	2,56
166	Tháo dỡ cửa nhà tù	m ²	1,80
167	Phá dỡ sàn mái bê tông bằng thủ công	m ³	1,18
168	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m ³	3,91
169	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m ³	7,13
170	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m ³	7,13
171	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m ³	7,13
172	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m ³	7,13
173	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m ³	7,13
174	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,01
175	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,06
176	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m ²	0,04
177	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m ³	0,40
178	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m ³	0,85
179	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m ³	0,42
180	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	3,91
181	Lắp dựng cốt thép lanh tô liên mái hắt, máng nước, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	
182	Lắp dựng cốt thép lanh tô liên mái hắt, máng nước, ĐK >10mm, chiều cao ≤6m	tấn	
183	Ván khuôn gỗ lanh tô, lanh tô liên mái hắt, máng nước, tấm đan	100m ²	0,01
184	Bê tông lanh tô, lanh tô liên mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m ³	0,03
185	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,01
186	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,06
187	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m ²	0,05
188	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m ³	0,40
189	Ván khuôn gỗ sàn mái	100m ²	0,08
190	Lắp dựng cốt thép sàn mái, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤28m	tấn	0,14
191	Bê tông sàn mái SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m ³	0,96
192	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m ²	8,00
193	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m ²	7,00
194	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m ²	1,79

195	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	23,78
196	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	15,09
197	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	24,80
198	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m2	9,61
199	Sơn dầu, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	34,63
200	Sơn dầu, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	20,98
201	Gia công cửa sắt	tấn	0,07
202	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	70,00
203	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,00
204	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	1,80
205	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,00
206	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,17
207	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,86
SỬA CHỮA TBA BƠM QUẢNG PHÚC:			
SỬA CHỮA BỆ MBA:			
208	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,19
209	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	4,15
210	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,36
211	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,00
212	Lót nền sân bằng nilong	m2	36,09
213	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,61
214	Tháo dỡ cửa công	m2	1,95
215	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	4,91
216	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	6,87
217	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	6,87
218	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	6,87
219	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	6,87
220	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	6,87
221	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,03
222	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,16
223	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,12
224	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,44
225	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	7,83
226	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	12,00
227	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	144,87

228	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,97
229	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	45,64
230	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	163,84
231	Gia công công sắt	tấn	0,08
232	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	80,00
233	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,00
234	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,56
235	Tháo dỡ cửa nhà tù	m2	1,80
236	Phá dỡ sàn mái bê tông bằng thủ công	m3	0,84
237	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤ 22 cm	m3	4,21
238	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	7,07
239	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	7,07
240	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	7,07
241	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	7,07
242	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	7,07
243	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10$ mm, chiều cao ≤ 6 m	tấn	0,01
244	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18$ mm, chiều cao ≤ 6 m	tấn	0,07
245	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,04
246	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤ 6 m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,42
247	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,47
248	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,47
249	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤ 6 m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	4,10
250	Lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, $\text{ĐK} \leq 10$ mm, chiều cao ≤ 6 m	tấn	
251	Lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, $\text{ĐK} > 10$ mm, chiều cao ≤ 6 m	tấn	
252	Ván khuôn gỗ lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan	100m2	0,01
253	Bê tông lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,03
254	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10$ mm, chiều cao ≤ 6 m	tấn	0,01
255	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18$ mm, chiều cao ≤ 6 m	tấn	0,07
256	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,04
257	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤ 6 m, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,42
258	Ván khuôn gỗ sàn mái	100m2	0,09
259	Lắp dựng cốt thép sàn mái, $\text{ĐK} \leq 10$ mm, chiều cao ≤ 28 m	tấn	0,14
260	Bê tông sàn mái SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,02
261	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	9,00
262	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,08

263	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	1,79
264	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	24,77
265	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	15,91
266	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	25,60
267	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m2	10,23
268	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	35,98
269	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	22,30
270	Gia công cửa sắt	tán	0,07
271	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	70,00
272	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,00
273	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	1,80
274	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,00
275	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,17
276	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,86
SỬA CHỮA TBA BƠM TRƯỜNG TRUNG:			
SỬA CHỮA BỆ MBA:			
277	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,28
278	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	5,86
279	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,67
280	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,00
281	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	11,21
282	Lót nền sân bằng nilong	m2	47,31
283	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	4,73
284	Tháo dỡ cửa công	m2	2,40
285	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	4,46
286	Phá dỡ móng đá	m3	3,30
287	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	10,86
288	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	10,86
289	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	10,86
290	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	10,86
291	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	10,86
292	Bê tông lót móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng ≤250cm, M200, đá 4x6, PCB40	m3	0,50
293	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	2,85
294	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	4,96

295	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,03
296	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,21
297	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m ²	0,16
298	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M200, đá 1x2, PCB40	m ³	1,82
299	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	8,58
300	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m ²	16,00
301	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	177,09
302	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m ²	5,57
303	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	56,62
304	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	198,66
305	Gia công công sắt	tấn	0,08
306	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	80,00
307	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,00
308	Lắp dựng cửa khung sắt	m ²	2,56
309	Tháo dỡ cửa nhà tù	m ²	1,80
310	Phá dỡ sàn mái bê tông bằng thủ công	m ³	1,71
311	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 22\text{cm}$	m ³	4,40
312	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m ³	8,55
313	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m ³	8,55
314	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m ³	8,55
315	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m ³	8,55
316	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m ³	8,55
317	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,01
318	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,06
319	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m ²	0,04
320	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M200, đá 1x2, PCB40	m ³	0,40
321	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m ³	0,42
322	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m ³	0,47
323	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	3,97
324	Lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	
325	Lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, $\text{ĐK} > 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	
326	Ván khuôn gỗ lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan	100m ²	0,01
327	Bê tông lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m ³	0,03
328	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,01

329	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,06
330	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m ²	0,04
331	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M200, đá 1x2, PCB40	m ³	0,40
332	Ván khuôn gỗ sàn mái	100m ²	0,08
333	Lắp dựng cốt thép sàn mái, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 28\text{m}$	tấn	0,14
334	Bê tông sàn mái SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m ³	0,96
335	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m ²	8,00
336	Trát xà dầm, vữa XM M100, PCB40	m ²	6,00
337	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m ²	1,79
338	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	23,78
339	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m ²	15,09
340	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	24,80
341	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m ²	9,61
342	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	0,62
343	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	34,63
344	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	20,98
345	Gia công cửa sắt	tấn	0,07
346	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	70,00
347	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,00
348	Lắp dựng cửa khung sắt	m ²	1,80
349	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,00
350	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	0,17
351	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	1,86
SỬA CHỮA TBS TÂN KHANG 1:			
SỬA CHỮA BỆ MBA:			
352	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	0,13
353	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	2,98
354	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m ³	0,55
355	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,00
356	Lót nền sân bằng nilong	m ²	35,74
357	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m ³	3,57
358	Tháo dỡ cửa công	m ²	2,40
359	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 22\text{cm}$	m ³	3,47
360	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m ³	4,86
361	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m ³	4,86

362	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	4,86
363	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	4,86
364	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	4,86
365	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,03
366	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,16
367	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m ²	0,12
368	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,43
369	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m3	7,43
370	Trát xà dầm, vữa XM M100, PCB40	m ²	12,00
371	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	147,32
372	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m ²	5,85
373	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	44,66
374	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	165,17
375	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài, chiều cao $\leq 16\text{m}$	100m ²	0,62
376	Gia công công sắt	tấn	0,08
377	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	80,00
378	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,00
379	Lắp dựng cửa khung sắt	m ²	2,56
380	Tháo dỡ cửa nhà tù	m ²	1,44
381	Phá dỡ sàn mái bê tông bằng thủ công	m3	0,81
382	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 22\text{cm}$	m3	4,09
383	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	6,86
384	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	6,86
385	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	6,86
386	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	6,86
387	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	6,86
388	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,01
389	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,06
390	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m ²	0,04
391	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,41
392	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,44
393	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,44
394	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m3	4,57
395	Lắp dựng cốt thép lanh tô liên mái hắt, máng nước, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	

396	Lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, ĐK >10mm, chiều cao ≤6m	tấn	
397	Ván khuôn gỗ lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan	100m ²	0,01
398	Bê tông lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m ³	0,03
399	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,01
400	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,06
401	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m ²	0,04
402	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m ³	0,41
403	Ván khuôn gỗ sàn mái	100m ²	0,08
404	Lắp dựng cốt thép sàn mái, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤28m	tấn	0,14
405	Bê tông sàn mái SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m ³	0,99
406	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m ²	8,00
407	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m ²	6,04
408	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M100, PCB40	m ²	1,79
409	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	25,30
410	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m ²	16,35
411	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	25,20
412	Láng nền, sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m ²	9,92
413	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	2,61
414	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	38,88
415	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	22,48
416	Gia công cửa sắt	tấn	0,07
417	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	70,00
418	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,00
419	Lắp dựng cửa khung sắt	m ²	1,80
420	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,00
421	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	0,17
422	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	1,86
SỬA CHỮA TBS HOÀNG GIANG 1:			
SỬA CHỮA BỆ MBA:			
423	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	0,13
424	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	2,98
425	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m ³	0,18
426	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,00
427	Lót nền sân bằng nilong	m ²	46,89

428	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	4,69
429	Tháo dỡ cửa công	m2	2,40
430	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 22\text{cm}$	m3	4,66
431	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	6,52
432	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	6,52
433	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	6,52
434	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	6,52
435	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	6,52
436	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,03
437	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,19
438	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m ²	0,15
439	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,65
440	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m3	8,85
441	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m2	15,00
442	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	165,19
443	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,13
444	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	51,58
445	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	186,32
446	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên bề mặt - kim loại	m2	4,80
447	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1m2	4,80
448	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,00
449	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,40
450	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	1,71
451	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	4,24
452	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	2,71
453	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	19,95
454	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	21,60
455	Phá dỡ các kết cấu trên mái bằng xi măng láng trên mái	m2	7,84
456	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	1,01
457	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	1,01
458	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	1,01
459	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	1,01
460	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	1,01
461	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	6,95
462	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	21,60
463	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	19,95
464	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	11,20

465	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m2	7,84
466	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	21,60
467	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	26,90
468	Gia công cửa sắt	tán	0,07
469	Mạ kẽm nhúng nóng cửa sắt	kg	70,00
470	Khoá Việt Tiệp	cái	1,00
471	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,00
472	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	1,71
473	Di chuyên, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,00
474	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,17
475	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	1,86
SỬA CHỮA TBA QUANG PHÚC 1:			
SỬA CHỮA BỆ MBA:			
476	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,62
477	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	3,18
478	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,78
479	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,21
480	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn gỗ, nắp đan, tấm chóp	100m2	0,03
481	Gia công, lắp đặt cốt thép tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chóp, nan hoa, con sơn	tán	0,02
482	Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, bê tông M200, đá 1x2, PCB40 - Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công (vữa bê tông sản xuất bằng máy trộn)	m3	0,36
483	Lắp các loại CKBT đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng ≤75kg	1 cấu kiện	2,00
484	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,00
485	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,25
486	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	2,24
487	Đắp đất nền móng công trình, nền đường bằng thủ công	m3	8,75
488	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	13,93
489	Đảm nền sân bằng đảm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,95	100m3	0,23
490	Lót nền sân bằng nilong	m2	32,76
491	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	3,27
492	Tháo dỡ cửa công	m2	2,40
493	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	3,33
494	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	21,72
495	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	5,05

496	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	5,05
497	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	5,05
498	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,03
499	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,16
500	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m ²	0,13
501	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M200, đá 1x2, PCB40	m ³	1,39
502	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	7,51
503	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m ²	13,00
504	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	179,08
505	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m ²	7,54
506	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	43,88
507	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	199,62
508	Gia công công sắt	tấn	0,08
509	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	80,00
510	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,00
511	Lắp dựng cửa khung sắt	m ²	2,56
512	Tháo dỡ cửa nhà tử	m ²	1,44
513	Phá dỡ sàn mái bê tông bằng thủ công	m ³	0,92
514	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 22\text{cm}$	m ³	4,50
515	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m ³	7,59
516	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m ³	7,59
517	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m ³	7,59
518	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	0,17
519	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	1,86
	SỬA CHỮA TBA QUẢNG PHÚC 2:		
	SỬA CHỮA BỆ MBA:		
520	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	0,19
521	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	4,15
522	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m ³	0,36
523	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,00
524	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m ³	5,56
525	Lót nền sân bằng nilong	m ²	28,14
526	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m ³	2,81
527	Tháo dỡ cửa cổng	m ²	2,40

528	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 22\text{cm}$	m3	3,62
529	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	5,07
530	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	5,07
531	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	5,07
532	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	5,07
533	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	5,07
534	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,03
535	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,15
536	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m ²	0,12
537	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M200, đá 1x2, PCB40	m3	1,28
538	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m3	6,74
539	Trát xà dầm, vữa XM M75, PCB40	m ²	12,00
540	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	121,65
541	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m ²	6,41
542	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	41,06
543	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	140,06
544	Gia công công sắt	tấn	0,08
545	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	80,00
546	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,00
547	Lắp dựng cửa khung sắt	m ²	2,56
548	Tháo dỡ cửa nhà tù	m ²	1,44
549	Phá dỡ sàn mái bê tông bằng thủ công	m3	0,92
550	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 22\text{cm}$	m3	4,71
551	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	7,88
552	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	7,88
553	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	7,88
554	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	7,88
555	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	7,88
556	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,01
557	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, $\text{ĐK} \leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	tấn	0,07
558	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m ²	0,04
559	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,42
560	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,47
561	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,47
562	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6\text{m}$, vữa XM M75, XM PCB40	m3	4,31

563	Lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	
564	Lắp dựng cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, ĐK >10mm, chiều cao ≤6m	tấn	
565	Ván khuôn gỗ lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan	100m ²	0,01
566	Bê tông lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m ³	0,03
567	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,01
568	Lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, ĐK ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,07
569	Ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m ²	0,06
570	Bê tông xà dầm, giằng nhà SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, chiều cao ≤6m, M200, đá 1x2, PCB40	m ³	0,42
571	Ván khuôn gỗ sàn mái	100m ²	0,09
572	Lắp dựng cốt thép sàn mái, ĐK ≤10mm, chiều cao ≤28m	tấn	0,14
573	Bê tông sàn mái SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông M200, đá 1x2, PCB40	m ³	1,02
574	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m ²	17,08
575	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m ²	1,79
576	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	25,81
577	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m ²	16,78
578	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	25,60
579	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m ²	10,23
580	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	37,02
581	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m ²	23,16
582	Gia công cửa sắt	tấn	0,07
583	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	70,00
584	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,00
585	Lắp dựng cửa khung sắt	m ²	1,80
586	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,00
587	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m ³	0,17
588	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m ²	1,86
SỬA CHỮA TBA MINH NGHĨA 2:			
589	Tháo dỡ cửa công	m ²	2,13
590	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m ²	139,38
591	Bóc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m ³	2,51
592	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m ³	2,51
593	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m ³	2,51
594	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m ³	2,51

595	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	2,51
596	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	134,51
597	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m2	4,87
598	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	139,38
599	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài, chiều cao $\leq 16m$	100m2	0,47
600	Gia công công sắt	tấn	0,07
601	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	70,00
602	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,00
603	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,13
604	Tháo dỡ cửa nhà tù	m2	1,58
605	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	2,76
606	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	2,66
607	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	14,15
608	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	17,03
609	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	0,66
610	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	0,66
611	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xỉ, gạch vỡ	m3	0,66
612	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	0,66
613	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	0,66
614	Trát tường ngoài dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m2	36,60
615	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	5,42
616	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	17,03
617	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	14,15
618	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	10,26
619	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M100, PCB40	m2	6,58
620	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	17,03
621	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	19,57
622	Gia công cửa sắt	tấn	0,05
623	Mạ kẽm nhúng nóng cửa sắt	kg	50,00
624	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,00
625	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	1,44
626	Di chuyển, che chắn tủ điện để thi công, nhân công 3/7	công	1,00
	SỬA CHỮA TBA TRƯỜNG SƠN 2:		
	SỬA CHỮA BỆ MBA:		
627	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq 6m$, vữa XM M75, XM PCB40	m3	0,19
628	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	4,00
629	Đắp nền móng công trình bằng thủ công	m3	0,17
630	Làm vách che chắn MBA để thi công, nhân công 3/7	công	2,00

631	Lót nền sân bằng nilong	m2	23,44
632	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đồ bằng thủ công, M200, đá 1x2, PCB40	m3	2,35
633	Tháo dỡ cửa công	m2	3,64
634	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	179,47
635	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	3,23
636	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	3,23
637	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	3,23
638	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	3,23
639	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	3,23
640	Xây tường thẳng gạch bê tông 10,5x6x22cm - Chiều dày 10,5cm, chiều cao ≤6m, vữa XM M75, XM PCB40	m3	1,28
641	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	186,56
642	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 1cm, vữa XM M75, PCB40	m2	6,41
643	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	192,97
644	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài, chiều cao ≤16m	100m2	0,94
645	Gia công công sắt	tấn	0,08
646	Mạ kẽm nhúng nóng công sắt	kg	80,00
647	Khoá treo Việt Tiệp	cái	1,00
648	Lắp dựng cửa khung sắt	m2	2,56
649	Tháo dỡ cửa nhà tù	m2	2,30
650	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày ≤22cm	m3	2,24
651	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	3,72
652	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	m2	3,43
653	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	19,00
654	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	22,35
655	Bốc xếp Vận chuyển phế thải các loại	m3	4,01
656	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	4,01
657	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp theo - Cát các loại, than xi, gạch vỡ	m3	4,01
658	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 7,0T	m3	4,01
659	Vận chuyển phế thải tiếp 10km bằng ô tô - 7,0T	m3	4,01
660	Trát trần, vữa XM M75, PCB40	m2	7,15
661	Trát tường ngoài, xây bằng gạch không nung, dày 1,5cm, Vữa XM M75, XM PCB40	m2	22,35
662	Trát tường trong dày 1,5cm, vữa XM M75, PCB40	m2	19,00
663	Trát gờ chỉ, vữa XM M100, PCB40	m	11,28
664	Láng nền, sàn có đánh màu, dày 3cm, vữa XM M125, PCB40	m2	7,91
665	Sơn dầm, trần, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	22,35
666	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	26,15

